CTCP Nước Thủ Dầu Một

FireAnt

Ngày 31/03/2024	46,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.7%	**20.0%**	**18.8%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	34,087 - 46,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,159
Số lượng CPLH (CP)	110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	86,270
Sở hữu nước ngoài	4.7%
Beta	0.19
EPS	1,753
P/E	26.8

DT thuần
Q1/24
106
tỷ VNĐ
QoQ: ▼86.0| -44.7%
YoY: ▲ 5.00| 5.2%

LN trước thuế
Q1/24
41.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.90| -12.4%
YoY: ▼90.1| -68.3%

LN sau thuế
Q1/24
37.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.00| -13.8%
YoY: ▼90.5| -70.7%

ROA
2023
11.3%
+/- YoY: ▲ 2.2%

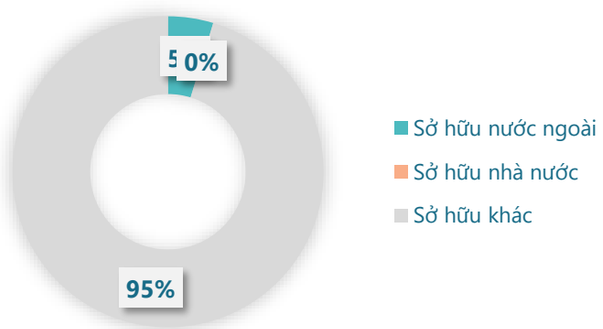
DT thuần
2023
533
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.0| 11.2%

LN trước thuế
2023
302
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.0| 30.8%

LN sau thuế
2023
283
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 63.0| 28.6%

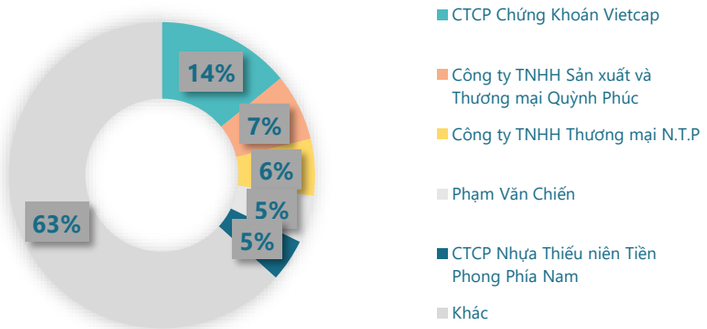
ROE
2023
13.9%
+/- YoY: ▲ 2.6%

Cơ cấu sở hữu



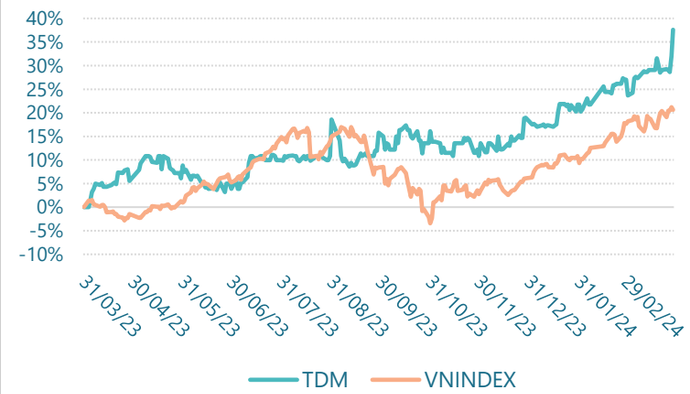
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

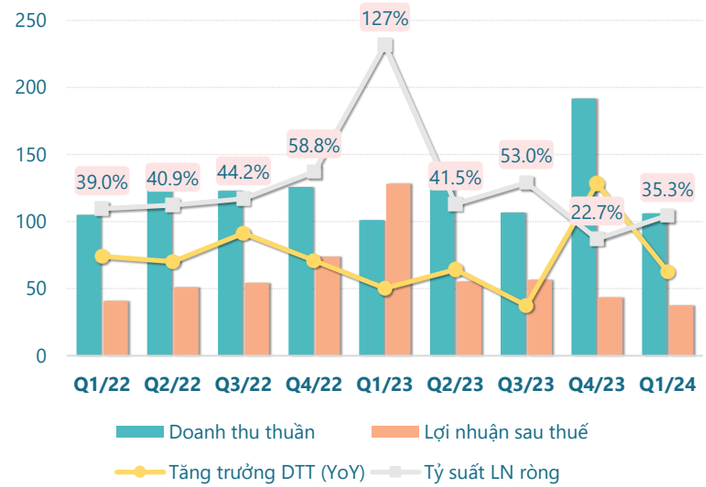
Tỷ suất lợi nhuận



CTCP Nước Thủ Dầu Một

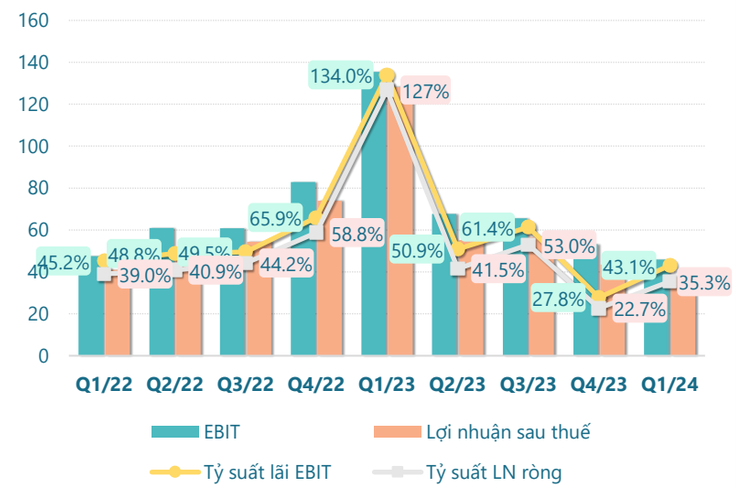
FireAnt

Kết quả kinh doanh



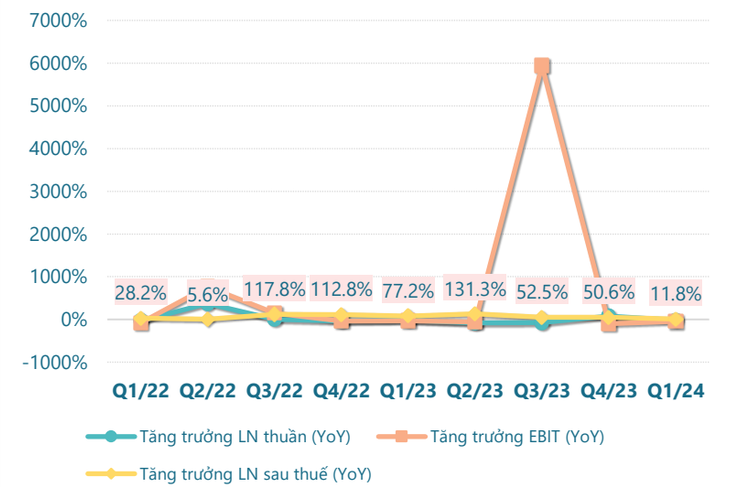
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



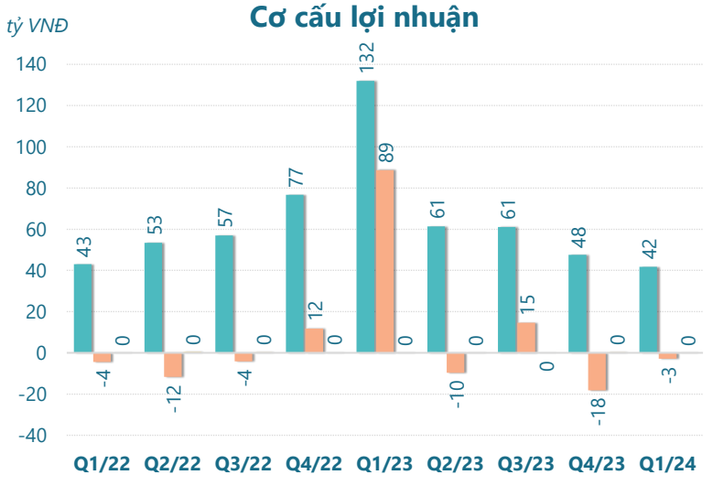
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



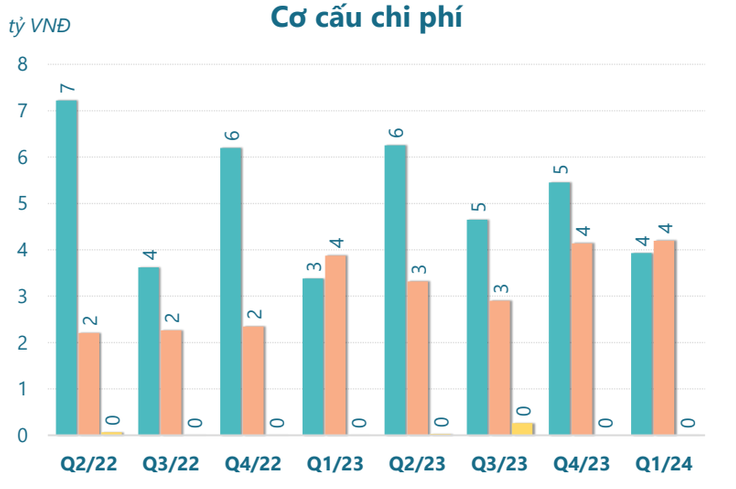
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



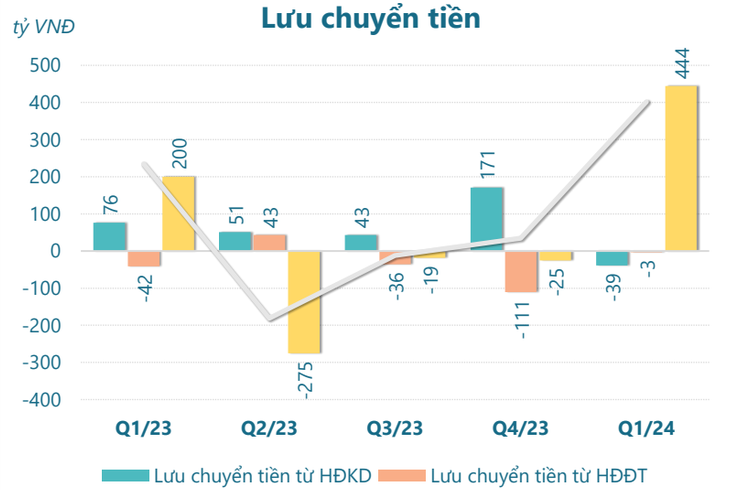
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



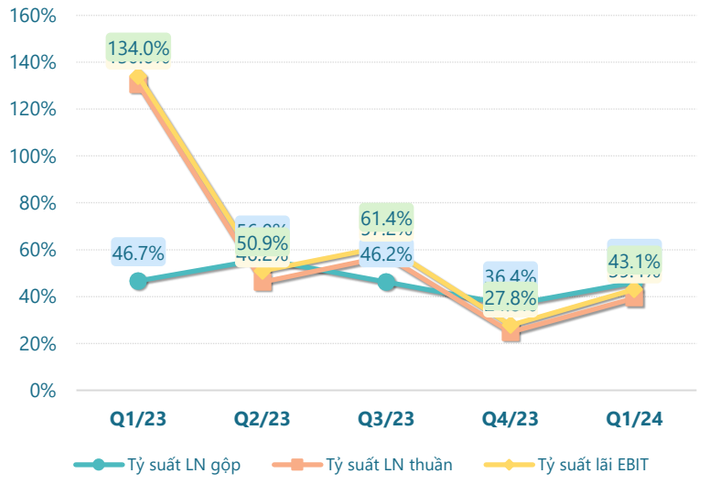
(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



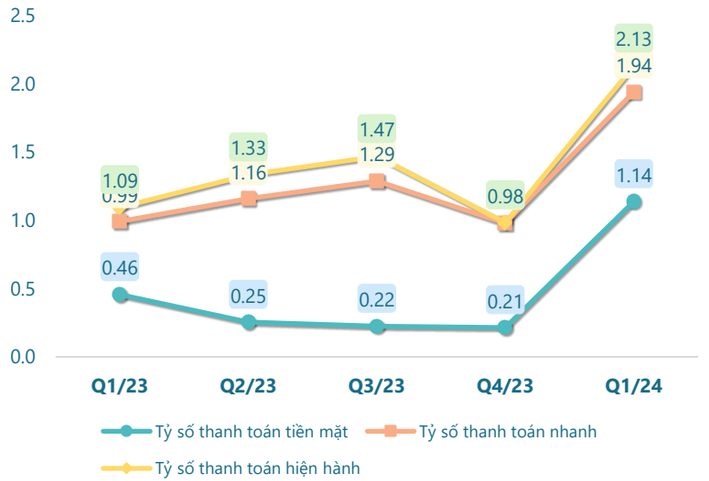
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



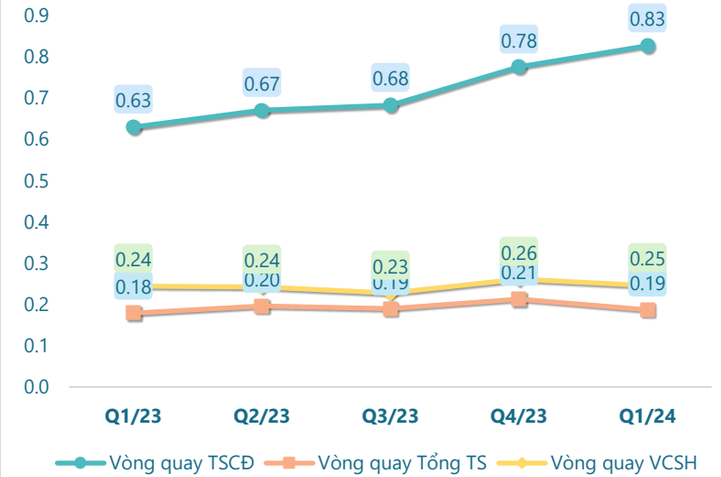
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



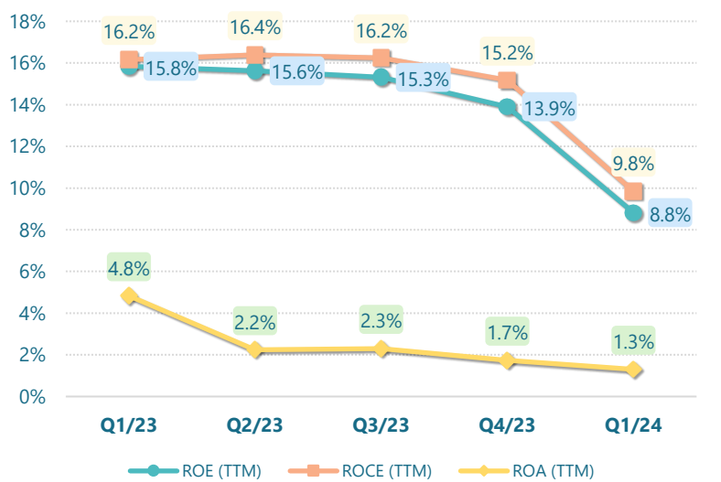
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



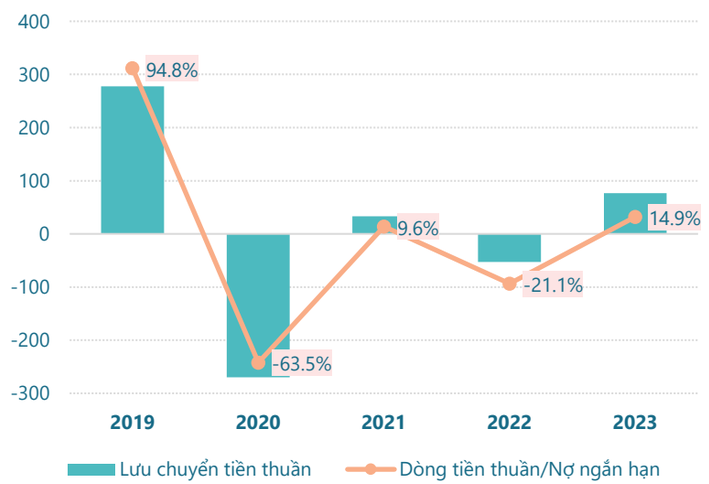
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



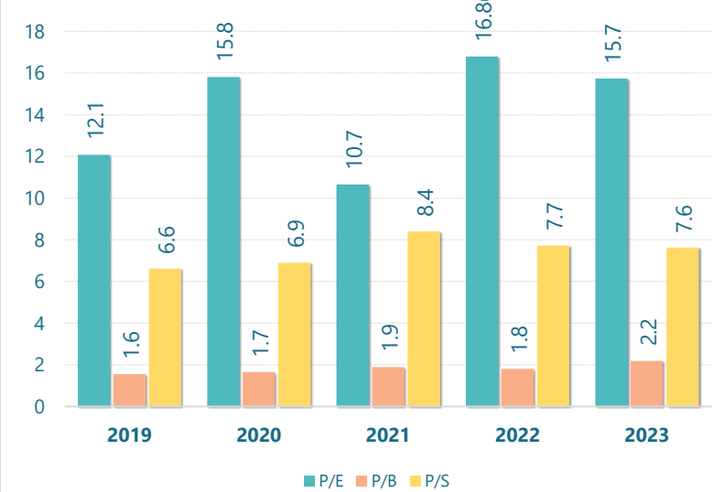
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)